

PHƯƠNG ÁN
TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Trà Giang)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 283/2025/NĐ-CP ngày 31/10/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ các Nghị định: số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025 /NĐ-CP ngày 22/5/2025 quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐCP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác; Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT ngày 14/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện và thành lập đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ công cơ bản, thiết yếu thuộc UBND cấp xã (mới);

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND xã Trà Giang về việc thành lập Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Trà Giang;

Căn cứ Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 01/6/2026 của UBND xã Trà Giang về việc bổ sung chức năng, nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư, lập phương án bồi thường, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất cho Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã Trà Giang;

Căn cứ vào tình hình thực tế, Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã Trà Giang (gọi tắt Trung tâm) xây dựng Phương án tự chủ tài chính theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN
TỰ CHỦ TÀI CHÍNH NĂM 2025

I. Về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số lượng cán bộ, viên chức:

1. Về nhiệm vụ được giao:

Trung tâm Cung ứng Dịch vụ Công xã Trà Giang chịu sự quản lý toàn diện và chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân xã Trà Giang. Thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu cho người dân trên phạm vi địa bàn xã theo quy định của pháp luật thuộc các lĩnh vực: Văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, quản lý trật tự công cộng, trật tự xây dựng, quản lý công viên, quảng trường, thú y, khuyến nông, khuyến công... và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Về tổ chức bộ máy, số lượng cán bộ, viên chức:

Biên chế được cấp có thẩm quyền giao: 07 biên chế.

* Số lượng viên chức đến tháng 12/2025: 07 biên chế.

- Ban Giám đốc Trung tâm gồm 02 người: 01 Giám đốc và 01 phó Giám đốc.

- Các bộ phận chuyên môn gồm: 04 người, cụ thể:

+ Bộ phận hành chính, Tổng hợp: hiện tại chưa bố trí biên chế chỉ thực hiện các chức danh kiêm nhiệm.

+ Bộ phận Kỹ thuật - Dịch vụ: 02 người.

+ Bộ phận kế toán: 0 người.

+ Bộ phận văn hóa, thể dục, thể thao: 02 người.

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 01 người; Đại học: 06 người.

II. Nhiệm vụ được giao, tình hình thực hiện nhiệm vụ, khối lượng công việc hoàn thành, chất lượng công việc hoàn thành:

Trung tâm căn cứ vào tình hình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được cấp trên giao trong năm 2025 như sau:

1. Lĩnh vực nông nghiệp:

- Thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ trọng tâm gồm: Triển khai các đợt khử trùng tiêu độc; kiểm soát và ngăn chặn dịch bệnh trên đàn gia súc (đặc biệt là Dịch tả lợn Châu Phi); thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và kế hoạch hỗ trợ tái đàn gia súc tại địa phương và công tác thăm đồng định kỳ.

- **Chất lượng công việc:** Đảm bảo tính kịp thời và chính xác trong dự báo tình hình dịch bệnh. Các hoạt động được tổ chức chặt chẽ, không để dịch bệnh lây lan diện rộng, đáp ứng yêu cầu của cấp trên và nhu cầu thực tế của bà con nông dân

2. Lĩnh vực văn hóa, thể thao và dữ liệu:

- **Khối lượng công việc:** Tổ chức thành công Đại hội TDTT cấp xã; duy trì thường xuyên công tác tuyên truyền và hệ thống truyền thanh cơ sở; thực hiện rà soát, làm sạch dữ liệu đất đai theo lộ trình chuyển đổi số của địa phương.

- **Chất lượng công việc:** Các sự kiện văn hóa, thể thao được tổ chức đúng quy mô, đạt hiệu ứng lan tỏa tốt. Công tác tuyên truyền đảm bảo thông tin thông suốt, kịp thời. Dữ liệu đất đai được cập nhật, chuẩn hóa, nâng cao hiệu quả quản lý hành chính trên địa bàn.

Đánh giá chung: Toàn bộ khối lượng công việc chuyên môn được giao trong năm 2025 đã được Trung tâm hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo yêu cầu về chất lượng. Công tác điều hành và phối hợp với các ban ngành liên quan đạt hiệu quả cao, góp phần ổn định an sinh xã hội và phát triển kinh tế địa phương.

III. Tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính của Nhà nước:

1. Chấp hành quy định pháp luật về kế toán và nghĩa vụ tài chính

Chế độ kế toán: Trung tâm chấp hành nghiêm túc các quy định hiện hành của Luật Kế toán, các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, đảm bảo thực hiện đúng hệ thống biểu mẫu quy định.

Công tác báo cáo: Hoàn thành và nộp các báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán cho cơ quan quản lý cấp trên đúng thời hạn quy định.

Cơ chế công khai: Hàng năm, Trung tâm chủ động rà soát, sửa đổi và bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với các văn bản hướng dẫn mới của cấp trên; thực hiện công khai, minh bạch mọi nguồn kinh phí thu, chi theo quy định.

2. Tình hình thực hiện các hoạt động dịch vụ và nhiệm vụ đặc thù

Về thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Không có.

Về thực hiện nhiệm vụ thu, chi phí, lệ phí theo pháp luật phí và lệ phí: Không có chức năng.

Đánh giá chung: Nhìn chung, Trung tâm đã chấp hành tốt các chính sách, chế độ quản lý tài chính công, quản lý và sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, tạo cơ sở pháp lý vững chắc để hoàn thành tốt các nhiệm vụ chuyên môn được giao.

IV. Báo cáo về thực hiện các chỉ tiêu tài chính thu, chi giai đoạn tự chủ

Kinh phí ngân sách nhà nước giao thường xuyên năm 2025.

STT	Nội dung	Dự toán giao	DT đã sử dụng	Còn lại
-----	----------	--------------	---------------	---------

		trong năm		
1	KP tiền lương	137.000.000	137.000.000	
2	KP hoạt động	49.000.000	49.000.000	
3	KP PCD khử trùng tiêu độc	49.425.000	49.425.000	
4	KP phục vụ công tác phòng, chống Dịch tả lợn Châu Phi	371.000.000	371.000.000	
5	KP điện nước	6.000.000	6.000.000	
6	KP đại hội TDTT	150.000.000	150.000.000	
7	KP tuyên truyền, truyền thanh	35.000.000	35.000.000	
8	QĐ số 968/QĐ-UBND ngày 16/9/2025 của UBND xã Trà Giang về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025	263.000.000	143.000.000	120.000.000
9	QĐ 985/QĐ-UBND ngày 19/9/2025 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025	202.000.000	202.000.000	
	Tổng cộng	1.213.452.000	1.093.452.000	120.000.000

V. Phân phối chênh lệch thu chi thường xuyên (nêu nguyên tắc phân phối đảm bảo phù hợp với tình hình tài chính của đơn vị), trong đó:

- Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Không có
- Trích lập quỹ bổ sung thu nhập, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ khác (nếu có): Không có

VI. Thu nhập tăng thêm của người lao động:

Trong năm 2025, đơn vị không chi thu nhập tăng thêm.

VII. Những khó khăn, tồn tại và kiến nghị:

1. Những khó khăn, tồn tại

- Về cơ chế tự chủ tài chính: Đơn vị chủ yếu phục vụ quản lý nhà nước nhưng chưa có khung giá dịch vụ sự nghiệp công, gây thiếu cơ sở để xây dựng phương án tự chủ tài chính.

- Về nguồn lực hỗ trợ nông nghiệp: Dự toán hiện tại chỉ tập trung vào các mục tiêu cơ bản. Đơn vị đang thiếu nguồn lực để khảo sát vùng nguyên liệu, tìm kiếm thị trường, tham gia chuỗi cung ứng và kết nối tiêu thụ nông sản.

- Về nhân sự văn hóa - thể thao: Việc thiếu nhân sự chuyên môn khiến đơn vị gặp khó khăn trong việc tổ chức các dịch vụ có thu phí, làm hạn chế khả năng tạo nguồn thu và nâng cao mức độ tự chủ.

2. Kiến nghị:

- Về cơ chế: Đề nghị sớm ban hành khung giá dịch vụ sự nghiệp công để đơn vị có cơ sở xây dựng phương án tự chủ tài chính.

- Về kinh phí: Đề nghị bố trí kinh phí hỗ trợ khảo sát, quy hoạch vùng nguyên liệu và xúc tiến, kết nối tiêu thụ nông sản.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

I. Khái quát chung về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc và tình hình triển khai nhiệm vụ

1. Về tổ chức bộ máy và nhân sự hiện tại

- Tính đến thời điểm báo cáo, công tác tổ chức bộ máy và phân bổ nhân sự tại Trung tâm Cung ứng dịch vụ công có sự thay đổi do có 01 viên chức chuyển công tác.

- Số liệu nhân sự cụ thể như sau:

Chỉ tiêu biên chế được giao: 07 biên chế.

Số lượng nhân sự thực tế: 06 người. Trong đó:

Viên chức (trong biên chế): 06 người.

Lao động hợp đồng chuyên môn: 0 người.

Cơ cấu nhân sự theo các bộ phận chuyên môn

- Tổng số nhân sự tại các bộ phận chuyên môn là 04 người, được phân bổ cụ thể:

+ Bộ phận Hành chính - Tổng hợp: Hiện tại chưa bố trí biên chế chuyên trách, chỉ thực hiện theo cơ chế kiêm nhiệm.

+ Bộ phận Kỹ thuật - Dịch vụ: 02 người.

+ Bộ phận Kế toán: 0 người.

+ Bộ phận Văn hóa - Thể dục, Thể thao: 02 người

- Trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân sự hiện tại như sau:

+ Trình độ Thạc sĩ: 01 người.

+ Trình độ Đại học: 05 người.

2. Tình hình triển khai nhiệm vụ và sự thay đổi so với giai đoạn trước

- Quản lý, khai thác, xây dựng kế hoạch khai thác nhà, đất không sử dụng vào mục đích để ở theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ).

- Nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư, lập phương án bồi thường, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, phát triển quỹ đất trên địa bàn xã

II. Xác định phương án tự chủ tài chính:

1. Liệt kê các danh mục dịch vụ sự nghiệp công do đơn vị sự nghiệp công thực hiện để làm căn cứ phân loại mức độ tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

- Dịch vụ văn hóa

- Dịch vụ thể dục, thể thao

- Dịch vụ lĩnh vực trồng trọt

- Dịch vụ bảo vệ thực vật

- Dịch vụ thú y

2. Trong trường hợp đơn vị sự nghiệp công thực hiện đồng thời nhiều dịch vụ sự nghiệp công khác nhau (trong danh mục và không thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước), đơn vị sự nghiệp công báo cáo các nội dung sau:

- Quản lý, khai thác, xây dựng kế hoạch khai thác nhà, đất không sử dụng vào mục đích để ở theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ).

Nhiều tài sản công hiện đã xuống cấp nghiêm trọng, cơ sở vật chất hư hỏng nặng, đồng thời nằm ở vị trí sâu trong hẻm nên không thuận lợi cho việc khai thác, sử dụng hoặc cho thuê. Thực tế cho thấy việc tiếp tục duy trì các tài sản này không

còn bảo đảm hiệu quả kinh tế, phát sinh chi phí quản lý, bảo dưỡng và duy tu nhưng hiệu quả khai thác thấp, gây lãng phí ngân sách nhà nước.

Trên cơ sở đó, cơ quan dự kiến tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét thực hiện thanh lý, bán đấu giá các tài sản theo đúng quy định hiện hành nhằm tránh thất thoát, lãng phí tài sản công, đồng thời tạo nguồn thu cho ngân sách và quỹ đất để phục vụ nhu cầu sử dụng hiệu quả hơn trong thời gian tới.

- Nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư, lập phương án bồi thường, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, phát triển quỹ đất trên địa bàn xã

+ Dự kiến về nguồn thu:

STT	Năm	Nội dung	Dự kiến được giao	Chi 2% thực hiện
1	2026	Quản lý dự án đầu tư	5.000.000.000	100.000.000
2	2027	Quản lý dự án đầu tư	11.000.000.000	220.000.000
3	2028	Quản lý dự án đầu tư	12.000.000.000	240.000.000
4	2029	Quản lý dự án đầu tư	13.000.000.000	260.000.000
5	2030	Quản lý dự án đầu tư	14.000.000.000	280.000.000
		Tổng cộng	55.000.000.000	920.000.000

+ Dự kiến về chi thường xuyên:

STT	Năm	Nội dung	Chi	Tổng cộng
1	2026	Tiền lương cho nhân viên (02 người)	76.000.000	100.000.000
		VPP	7.000.000	
		Máy tính	17.000.000	
2	2027	Tiền lương cho nhân viên (02 người)	192.404.433	220.000.000
		VPP	7.000.000	
		Máy tính	17.000.000	
		Sửa chữa máy móc, vật tư văn phòng	3.595.567	
3	2028	Tiền lương cho nhân viên (02 người)	213.173.520	240.000.000
		VPP	8.000.000	
		Máy in, scan	15.000.000	

		Sửa chữa máy móc, vật tư văn phòng	3.826.480	
4	2029	Tiền lương cho nhân viên (02 người)	237.000.000	260.000.000
		VPP	9.000.000	
		Máy in, scan	10.000.000	
		Sửa chữa máy móc, vật tư văn phòng	4.000.000	
5	2030	Tiền lương cho nhân viên (03 người)	260.000.000	280.000.000
		VPP	10.000.000	
		Sửa chữa máy móc, vật tư văn phòng	10.000.000	

- Nhiệm vụ quản lý chợ:

STT	Năm	Nội dung	Thu	Chi
1	2026	Quản lý chợ	5.000.000	5.000.000
2	2027	Quản lý chợ	12.000.000	12.000.000
3	2028	Quản lý chợ	14.000.000	14.000.000
4	2029	Quản lý chợ	15.000.000	15.000.000
5	2030	Quản lý chợ	16.000.000	16.000.000
		Tổng cộng	62.000.000	62.000.000

3. Về phân phối kết quả tài chính của các năm trước liền kề và dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định.

- Kết quả tài chính các năm trước liền kề: Không phát sinh.

- Dự kiến trích lập các quỹ năm 2026: Đơn vị dự kiến không trích lập quỹ từ kết quả hoạt động tài chính trong năm đầu thời kỳ ổn định.

4. Xác định mức độ tự chủ tài chính:

Căn cứ vào dự toán nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp và nhu cầu chi thường xuyên của năm đầu thời kỳ ổn định, đối chiếu với các tiêu chí quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành, đơn vị xác định mức độ tự chủ tài chính như sau:

- Theo phân loại hiện tại: Đơn vị thuộc Nhóm 4 (Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên) theo Quyết định số 2390/QĐ-UBND.

- Dự kiến: Đơn vị thuộc Nhóm 4 (Đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, với mức tự chủ mục tiêu là 10%).

Bảng dự toán thu chi từ năm 2026 - 2030 như sau:

ĐVT: đồng

Năm	Thu	Chi	Chênh lệch
2026	100.000.000	1.000.000.000	900.000.000
2027	220.000.000	2.200.000.000	1.980.000.000
2028	240.000.000	2.400.000.000	2.160.000.000
2029	260.000.000	2.600.000.000	2.340.000.000
2030	280.000.000	2.800.000.000	2.520.000.000
Tổng cộng	1.100.000.000	11.000.000.000	9.900.000.000

Mức độ tự chủ tài chính (%) = $100.000.000 / 1.000.000.000 \times 100\% = 10\%$.

Trên đây là Phương án tự chủ tài chính của Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Trà Giang giai đoạn 2026 - 2030, kính trình Ủy ban nhân dân xã xem xét phê duyệt./.